

Bản án số: 140/2026/HS-PT

Ngày: 13/4/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG
- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Thường

Các thẩm phán: Ông Phùng Anh Dũng
Bà Võ Thị Ngọc Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hoàng, Thư ký Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý 31/2025/TLPT-HS ngày 19 tháng 2 năm 2026 đối với bị cáo Nguyễn Thị H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2026/HS-ST ngày 05/01/2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị cáo có kháng cáo:

Bị cáo Nguyễn Thị H, sinh ngày 04 tháng 7 năm 1986, tại tỉnh Quảng Ngãi; Nơi cư trú: Thôn G, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi (nay là Thôn G, xã S, tỉnh Quảng Ngãi); CCCD: 051186008356; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1948 và bà Võ Thị Tuyết M, sinh năm 1949; Chồng là Nguyễn Tấn H1, sinh năm 1984 (đã chết); Con: 02 người con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 1983 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2022 Nguyễn Thị H, sinh năm 1986; trú tại: thôn G, xã S, tỉnh Quảng Ngãi đã đưa ra thông tin gian dối về việc đầu tư mua bán đất trên địa bàn huyện S để kiếm lời. Tin tưởng thông tin H đưa ra ông Lê Văn Q, chị Đoàn Thị P và chị Nguyễn Thị H2 đã nhiều lần chuyển tiền cho Nguyễn Thị H với tổng số

tiền 545.000.000 đồng, sau đó H chiếm đoạt số tiền trên, cụ thể:

- Lần thứ nhất: chiếm đoạt số tiền 275.000.000 đồng của ông Lê Văn Q (sinh năm: 1965), trú tại: Khu C hộ, Tổ dân phố C, xã M, tỉnh Quảng Ngãi.

Khoảng tháng 5/2022 H đưa ra thông tin về việc H có sở hữu 01 thửa đất 04 hecta tại thôn L, xã S, tỉnh Quảng Ngãi, đất do H đứng tên nhưng chưa làm thủ tục tách sổ. H hỏi vợ chồng ông Q có mua thì H bán lại với giá 280.000.000 đồng, thoả thuận đặt cọc trước số tiền 50.000.000 đồng để H lo chi phí đo đạc, tách sổ; số tiền còn lại sẽ thanh toán khi H hoàn thành việc tách sổ và ký hợp đồng công chứng sang tên cho ông Q. Ông Q tin tưởng và đồng ý mua mảnh đất do H giới thiệu. Ngày 30/6/2022 bà Đặng Thị Phương T1 (vợ ông Q) đã chuyển số tiền 50.000.000 đồng cho Nguyễn Thị H. Ngày 19/7/2022 H tiếp tục đưa ra thông tin mẹ chồng bị đột quỵ cần tiền chữa bệnh, ông Q tin tưởng và chuyển tiếp số tiền 225.000.000 đồng. Sau khi nhận số tiền 275.000.000 đồng H đã rút và đưa cho Nguyễn Tấn H1 (chồng của H) trả nợ.

- Lần thứ hai: Chiếm đoạt số tiền 110.000.000 đồng của chị Đoàn Thị P (sinh năm: 2003) trú tại: 460/12/9 H, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vào tháng 6/2022 Nguyễn Thị H quen biết chị Đoàn Thị P và rủ P về nhà H chơi. Trong thời gian này H nói với P “*đất ở S rộng và đầu tư dễ lời*”. Đến tháng 8/2022 H nói với P có thửa đất diện tích khoảng 01 hecta, đất này trong diện dự án mở thủy điện, H có người làm trong ban đền bù nên biết thông tin dự án này, H rủ P góp tiền mua thửa đất này trồng cây để nhận tiền đền bù, chủ đất muốn bán với giá 150.000.000 đồng, H góp số tiền 80.000.000 đồng, P góp số tiền 70.000.000 đồng chị P tin tưởng và đồng ý góp tiền để mua đất. Ngày 09/8/2022, theo yêu cầu của H, chị P chuyển hai lần với tổng số tiền 70.000.000 đồng qua tài khoản Nguyễn Thị Thùy T2 (con gái H).

Sau đó vài ngày, H gọi điện thoại, nhắn tin với P và nói dối có mảnh vườn 800m² bên cạnh nhà của H, H mua của người khác và muốn bán lại với giá 40.000.000 đồng. Để chị P tin tưởng, H tự viết “Giấy nhận tiền cọc đất” và chụp hình ảnh gửi cho P; chị P tin tưởng và đồng ý mua. Ngày 15/8/2022 P chuyển số tiền 15.000.000 đồng và ngày 26/8/2022 P chuyển số tiền 25.000.000 đồng qua tài khoản Nguyễn Thị Thùy T2. Số tiền 110.000.000 đồng nhận từ chị P, H rút và đưa cho chồng trả nợ.

- Lần thứ ba: chiếm đoạt số tiền 160.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị H2 (sinh năm: 1988), trú tại: 71/2/79 N, phường T, thành phố Hồ Chí Minh.

Khoảng tháng 7/2022 Nguyễn Thị H2 quen biết với Nguyễn Thị H và đến nhà H chơi. Trong thời gian này H nói với P “*đất ở S giá rẻ, đầu tư dễ có lời*” nên chị H2 nói H giới thiệu đất để chị H2 mua. Tháng 8/2022 H nói với chị H2 có bà Trần Thị T3 ở gần nhà H muốn bán lô đất diện tích 3200m² với giá 45.000.000 đồng, H gửi hình ảnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Trần Thị T3 và gửi vị trí mảnh đất cho chị H2 xem, chị H2 tin tưởng đồng ý mua. Từ ngày 07/8/2022 đến ngày 08/8/2022 chị H2 chuyển hai lần với tổng số tiền 25.000.000 đồng cho Nguyễn Thị H; sau đó, H làm giả “*Giấy nhận tiền cọc đất*” giữa người mua là Nguyễn Thị H2 và người bán bà Trần Thị T3 và chụp hình ảnh gửi cho chị H2.

Đến ngày 14/8/2022 H nói với H2 có bà Đỗ Thị N (ở tổ dân phố N, thị trấn

D, huyện S) cần bán nhà với giá 470.000.000 đồng, giá rẻ so với thị trường và hiện đang có dự án làm đường đi qua, nếu mua bán lại sẽ có lời. Chị H2 yêu cầu xem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, H gửi hình ảnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chia sẻ vị trí căn nhà cho chị H2. Tin tưởng nên chị H2 đồng ý mua, H nói bà N yêu cầu đặt cọc trước số tiền 50.000.000 đồng. Ngày 16/8/2022 và ngày 19/8/2022 chị H2 chuyển hai lần với số tiền 70.000.000 đồng qua tài khoản Nguyễn Thị Thùy T2.

Đến ngày 20/8/2022 H tiếp tục nói với chị H2 người dân bên cạnh thửa đất của bà N cần bán 02 thửa đất với tổng số tiền 65.000.000 đồng (đất chưa có sổ và H hứa sẽ xin cấp sổ cho chị H2); tin tưởng chị H2 đồng ý mua và đã chuyển 04 lần với tổng số tiền 65.000.000 đồng (*cụ thể: Ngày 23/8/2022 chuyển khoản 10.000.000 đồng; ngày 30/8/2022 chuyển khoản 20.000.000 đồng; ngày 15/9/2022 chuyển khoản 5.000.000 đồng vào tài khoản Nguyễn Thị Thùy T2; ngày 02/9/2022 chuyển khoản 30.000.000 đồng vào tài khoản của Nguyễn Thị H*). Tổng số tiền chiếm đoạt là 160.000.000 đồng nhận từ chị H2, H rút và đưa cho chồng trả nợ.

Như vậy, tổng số tiền bị cáo Nguyễn Thị H đã chiếm đoạt của ông Lê Văn Q, chị Đoàn Thị P và chị Nguyễn Thị H2 là: 545.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo Nguyễn Thị H đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản cáo trạng số: 06/CT-VKSQNG-P2 ngày 11/11/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Hạnh về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2026/HS-ST ngày 05/01/2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị H 10 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về, trách nhiệm dân sự, phân xử lý vật chứng vụ án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 14/01/2026, bị cáo Nguyễn Thị H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Năm 2022 bị cáo H quen biết với ông Q, chị P và chị H2. Trong thời gian này bị cáo H đã đưa ra các thông tin gian dối về việc đầu tư mua bán đất trên địa bàn huyện S (nay là xã S) để kiếm lời làm cho các bị hại là ông Q, chị P và chị H2 tin tưởng và nhiều lần chuyển tiền cho bị cáo. Sau khi, nhận được tiền bị cáo H không thực hiện nội dung như đã thoả thuận mà đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền

trên. Bị cáo Nguyễn Thị H lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại với tổng số tiền 545.000.000 đồng (trong đó: Ông Q 275.000.000 đồng; chị P 110.000.000 đồng; chị H2 160.000.000 đồng).

Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2026/HS-ST ngày 05/01/2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã xét xử bị cáo Nguyễn Thị H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[1] Xét kháng cáo của bị cáo H; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1.1] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

[1.1] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo “Phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[1.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho các bị hại 130.500.000 đồng. Ngoài ra, bố mẹ bị cáo đều là thương binh, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, chồng bị cáo đã chết năm 2023 giờ bị cáo là lao động chính trong gia đình được Ủy ban nhân dân xã S xác nhận. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[2] Từ những phân tích trên, căn cứ tính chất, mức độ, hành vi, hậu quả, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân; Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo H sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

[3] Theo quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự: chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H và sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2026/HS-ST ngày 05/01/2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo bị cáo Nguyễn Thị H 08 (T4) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị H không phải chịu

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I-TAND tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT

Lê Văn Thường